**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG SƯ PHẠM**



**CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**NGÀNH GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC MẦM NON)**

(**ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU/ ỨNG DỤNG**)

**MÃ SỐ NGÀNH: 8140101**

*(Ban thành theo Quyết định số 3537 /QĐ-ĐHV, ngày 22/12/2023*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

**Nghệ An, 2023**

**MỤC LỤC**

[DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT](#_Toc173833326)

[DANH SÁCH BẢNG](#_Toc173833327)

[PHẦN 1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1](#_Toc173833328)

[1.1. Mục tiêu tổng quát 1](#_Toc173833329)

[1.2. Mục tiêu cụ thể 1](#_Toc173833330)

[1.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 1](#_Toc173833332)

[PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 6](#_Toc173833333)

[2.1. Tổng quan về chương trình dạy học 6](#_Toc173833334)

[2.1.1. Cấu trúc chương trình dạy học 6](#_Toc173833335)

[2.1.2. Các học phần theo mô-đun 6](#_Toc173833336)

[2.2. Bảng phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần 8](#_Toc173833337)

[2.3. Khung chương trình dạy học 10](#_Toc173833338)

[2.4. Chuẩn đầu ra các học phần 13](#_Toc173833339)

[2.5 .Phương pháp giảng dạy và dạy học 20](#_Toc173833340)

[2.6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập 21](#_Toc173833341)

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Diễn giải** |
| **CĐR** | Chuẩn đầu ra |
| **GDH (GDMN)** | Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) |
| **CTDH** | Chương trình dạy học |
| **CTĐT** | Chương trình đào tạo |
| **GD&ĐT** | Giáo dục và đào tạo |

DANH SÁCH BẢNG

[Bảng 1.1. Các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 2](file:///D:\Chi%20Yen%207.2024\Chương%20trình%20dạy%20học%20ThS%20GDMN%202023%20UD%20&%20NC%20(CT)_Update%20_6.8.2024.docx#_Toc173833296)

[Bảng 1.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT 4](#_Toc173833297)

[Bảng 1.3. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ Quốc gia 4](#_Toc173833298)

[Bảng 2.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT 6](#_Toc173833299)

[Bảng 2.2. Ánh xạ giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT 8](#_Toc173833300)

[Bảng 2.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH 10](#_Toc173833301)

[Bảng 2.4. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập 21](#_Toc173833302)

[Bảng 254. Các hình thức đánh giá trong CTĐT 22](#_Toc173833303)

PHẦN 1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành *Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)* giúp người học có kiến thức sâu rộng, hiện đại trong lĩnh vực giáo dục mầm non; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức thực hiện và cải tiếncác hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học giáo dục và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Áp dụng thành thạo các kiến thức về khoa học giáo dục và kiến thức thực tiễn sâu, rộng, hiện đại về lĩnh vực giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.

PO2. Vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.

PO3. Thể hiện kỹ năng quản lí và quản trị, kỹ năng giao tiếp để truyền thông, phổ biến tri thức, kỹ năng làm việc độc lập hoặc phối hợp với chuyên gia để thực hiện các nhiệm vụ trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non.

PO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non phù hợp xu hướng phát triển của khoa học và giáo dục.

1.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) được thiết kế gồm 16 chuẩn đầu ra liên quan đến kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được tuyên bố như Bảng 2.1.

| **NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA**  Bảng 1.1. Các chỉ số đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | **ĐIỂM NLTB** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành** | | |  |
| **PLO1.1** | **Kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành Giáo dục mầm non** | | |
| PLO1.1.1 | Vận dụng được kiến thức về triết học, quản trị, quản lý trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non | | 2.5{K3} |
| PLO1.1.2 | Vận dụng kiến thức cơ sở ngành của giáo dục mầm non hiện đại vào nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non | | 2.5 {K3} |
| **PLO1.2** | **Kiến thức chuyên sâu về Giáo dục mầm non** | |  |
| PLO1.2.1 | Vận dụng kiến thức chuyên sâu, hiện đại của giáo dục mầm non trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non. | | * 1. {K3} |
| **2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp** | | |  |
| **PLO2.1** | **Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp** | |  |
| PLO2.1.1 | Vận dụng được tư duy phản biện, kĩ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non. | | 2.5 {K3} |
| PLO2.1.2 | Vận dụng được kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non. | | 2.5 {S3} |
| **PLO2.2** | **Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp** | |  |
| PLO2.2.1 | Thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực giáo dục mầm non. | | 2.5 {A3} |
| PLO2.2.2 | Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong học tập và thực hành nghề nghiệp. | | 2.5 {S3} |
| **3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp** | |  | |
| **PLO3.1** | **Làm việc nhóm** |  | |
| PLO3.1.1 | Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong giải quyết các vấn đề nghiên cứu và hoạt động chuyên môn. | 2.5 {S3} | |
| PLO3.1.2 | Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động nghiên cứu và hoạt động chuyên môn. | 2.5 {S3} | |
| **PLO3.2** | **Giao tiếp** |  | |
| PLO3.2.1 | Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền thông, truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non | 2.5 {S3} | |
| PLO3.2.2 | Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và vận dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu và thực tiễn giáo dục mầm non | 2.5 {S3} | |
| **4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành** | |  | |
| **PLO4.1** | **Bối cảnh** |  | |
| PLO4.1.1 | Phân tích bối cảnh khoa học và xu hướng phát triển của giáo dục mầm non đối với hoạt động nghiên cứu và thực tiễn nghề nghiệp. | 3.5{S4} | |
| **PLO4.2** | **Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non** | | |
| POL4.2.1 | Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non. | 3.5 {S4} | |
| PLO4.2.2 | Thiết kế được các bước triển khai vấn đề nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực Giáo dục mầm non một cách khoa học. | 3.5 {S4} | |
| PLO4.2.3 | Triển khai được các nghiên cứu, ứng dụng và rút ra được các kết luận chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non. | 3.5 {S4} | |
| PLO4.2.4 | Đánh giá các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non và đưa ra các giải pháp cải tiến. | 3.5 {S4} | |

Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) đáp ứng đầy đủ khung trình độ quốc gia Việt Nam được ban hành theo Quyết định Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ. Ánh xạ giữa các chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) với Khung trình độ quốc gia được mô tả trong Bảng 2.2.

Bảng 1.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 |
| PO1 | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |
| PO2 |  |  | *√* | *√* |  |  |  |  |
| PO3 |  |  |  |  | *√* | *√* |  |  |
| PO4 |  |  |  |  |  |  | *√* | *√* |

Bảng 1.3. Đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ Quốc gia

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khung TĐQG** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** | | | | | | | |
| PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.2 | PLO4.1 | PLO4.2 |
| 1.1 |  | *√* |  |  |  |  | *√* |  |
| 1.2 | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |
| 1.3 | *√* |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  | *√* |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| 2.3 |  |  |  |  | *√* |  |  |  |
| 2.4 |  |  |  |  |  |  | *√* |  |
| 2.5 |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| 3.1 |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| 3.2 |  |  |  | *√* |  | *√* |  |  |
| 3.3 |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| 3.4 |  |  |  |  |  |  |  | *√* |

***Trong đó:*** ký hiệu và nội dung chuẩn đầu ra trình độ bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia *(Ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016)* như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Nội dung chuẩn đầu ra bậc trình độ bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia** |
| **1** | **Kiến thức** |
| 1.1 | Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo |
| 1.2 | Kiến thức liên ngành có liên quan |
| 1.3 | Kiến thức chung về quản trị và quản lý |
| **2** | **Kỹ năng** |
| 2.1 | Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học |
| 2.2 | Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác |
| 2.3 | Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến |
| 2.4 | Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp |
| 2.5 | Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. |
| **3** | **Mức tự chủ và trách nhiệm** |
| 3.1 | Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng |
| 3.2 | Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác |
| 3.3 | Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn |
| 3.4 | Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn |

PHẦN 2. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Tổng quan về chương trình dạy học

Chương trình dạy học (CTDH) trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) được xây dựng dựa theo Quyết định Số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

2.1.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc của CTDH và mối liên hệ giữa các mô-đun với các CĐR của CTĐT được mô tả trong Bảng 3.1.

Bảng 2.1. Ánh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các mô-đun** | | **Số TC** | **%** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| **1** | **Các học phần đại cương** | **7** | | **11,4** | ***√*** |  |  | ***√*** | ***√*** |  |  |  |  |
| **2** | **Các học phần cơ sở ngành** | **24** | | **39,3** |  | ***√*** |  | ***√*** | ***√*** |  |  | ***√*** |  |
|  | Các học phần bắt buộc | 12 | | 19,6 |  |  |  | *√* | *√* |  | *√* |  |  |
| Các học phần tự chọn | 12 | | 19,6 |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |
| **3** | **Các học phần chuyên ngành** | **15** | | **24,5** |  | ***√*** |  | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** |
|  | Các học phần bắt buộc | 9 | | 14,7 |  |  |  | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |
| Các học phần tự chọn | 6 | | 9,8 |  |  |  | *√* | *√* |  |  | *√* | *√* |
| 4 | **Luận văn (NC)** | **15** | | 24,5 |  | ***√*** |  | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** |
| **5.1** | **Thực tập tốt nghiệp (UD)** | **6** | | **9,8** |  | ***√*** |  | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** |
| **5.2** | **Đồ án tốt nghiệp (UD)** | **9** | | **14,7** |  | ***√*** |  | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** | ***√*** |
|  | **Tổng** | **61** | | **100** | *√* | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |

2.1.2. Các học phần theo mô-đun

Các học phần theo mô-đun được thiết kế để kế đảm bảo tương thích có định hướng với CĐR của CTĐT bao gồm:

*a) Các học phần đại cương: 7 tín chỉ*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| 1 | Triết học | 4 |
| 2 | Tiếng Anh | 3 |
| **Tổng số tín chỉ:** | | **7** |

*b) Các học phần cơ sở ngành: 24 tín chỉ*

## Các học phần cơ sở ngành hướng nghiên cứu/ứng dụng

| **Stt** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| --- | --- | --- |
| **Các học phần bắt buộc** | | |
| 1 | Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em | 3 |
| 2 | Một số vấn đề cơ bản của giáo dục mầm non hiện đại | 3 |
| 3 | Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non | 3 |
| 4 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non | 3 |
| **Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)** | | |
| 1 | Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | 3 |
| 2 | Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non | 3 |
| 3 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non | 3 |
| 4 | Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non | 3 |
| 5 | Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non | 3 |
| 6 | Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non | 3 |
| 7 | Đổi mới quản lý giáo dục mầm non | 3 |
| 8 | Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non | 3 |
| **Tổng số tín chỉ 8 học phần cơ sở ngành** | | **24** |

## Các học phần chuyên ngành hướng nghiên cứu/ứng dụng

| **Stt** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| --- | --- | --- |
| **Các học phần bắt buộc** | | |
| 1 | Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em | 3 |
| 2 | Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ | 3 |
| 3 | Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non | 3 |
| **Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần) hướng nghiên cứu** | | |
| 1 | Giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non | 3 |
| 2 | Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non | 3 |
| 3 | Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học | 3 |
| 4 | Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em | 3 |
| **Tổng số tín chỉ/4 học phần chuyên ngành** | | **15** |
| **Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần) hướng ứng dụng** | | |
| 1 | Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa | 3 |
| 2 | Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục | 3 |
| 3 | Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non | 3 |
| 4 | Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục | 3 |
| **Tổng số tín chỉ/2 học phần chuyên ngành** | | **6** |

# - Luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ) hướng nghiên cứu

Một số hướng nghiên cứu luận văn tốt nghiệp bao gồm: (*i*) Nghiên cứu và vận dụng kiến thức về Tâm lí học và Giáo dục học vào lĩnh vực Giáo dục mầm non; (*ii*) Nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào quá trình nuôi dưỡng - chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; (*iii*) Nghiên cứu và ứng dụng các mô hình phát triển chương trình giáo dục vào quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non; (*iv*) Nghiên cứu và đề xuất các vấn đề cụ thể khác thuộc lĩnh vực Giáo dục mầm non.

# - Các học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| 1 | Thực tập tốt nghiệp | 6 |
| 2 | Đồ án tốt nghiệp | 9 |
| **Tổng số tín chỉ:** | | **15** |

2.2. Bảng phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần

Bảng phân nhiệm của chuẩn đầu ra CTĐT cho các học phần được thể hiện trong Bảng 3.2.

Bảng 2.2. Ánh xạ giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

| **Stt** | **Tên học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 |
| 1 | Triết học |  |  |  |  | √ |  |  |  |  |
| 2 | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  | √ |  |  |
| 3 | Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em | √ |  |  |  | √ | √ |  |  | √ |
| 4 | Các vấn đề cơ bản của giáo dục mầm non hiện đại |  | √ |  | √ |  |  | √ |  | √ |
| 5 | Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non |  | √ |  |  | √ |  | √ |  | √ |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non |  | √ |  |  | √ |  |  | √ | √ |
| 7 | Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | √ |  |  |  |  | √ | √ |  |  |
| 8 | Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non |  | √ |  | √ | √ |  | √ | √ |  |
| 9 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non | √ |  |  |  |  | √ | √ |  |  |
| 10 | Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non | √ | √ |  |  |  |  | √ |  |  |
| 11 | Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non |  | √ |  |  |  | √ | √ |  |  |
| 12 | Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non |  | √ |  | √ |  |  | √ | √ | √ |
| 13 | Đổi mới quản lý giáo dục mầm non |  | √ |  | √ |  |  | √ | √ |  |
| 14 | Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non |  | √ |  |  |  | √ |  |  |  |
| 15 | Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 16 | Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ |  | √ | √ |  |  |  |  |  | √ |
| 17 | Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non |  | √ | √ | √ |  | √ |  | √ | √ |
| 18 | Giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non |  | √ | √ |  |  | √ | √ |  |  |
| 19 | Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non |  | √ | √ |  | √ |  | √ |  | √ |
| 20 | Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học |  | √  √ | √ |  |  |  | √ |  |  |
| 21 | Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 22 | Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 23 | Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 24 | Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 25 | Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục |  | √ | √ | √ |  | √ | √ |  | √ |
| 26 | Luận văn tốt nghiệp |  |  | √ |  |  | √ | √ | √ | √ |
| 27 | Thực tập tốt nghiệp |  |  | √ |  |  | √ | √ | √ |  |
| 28 | Đồ án tốt nghiệp |  |  | √ |  |  | √ | √ | √ | √ |

2.3. Khung chương trình dạy học

Khung chương trình dạy học được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau:*(1) Loại học phần:* 🞨 *- bắt buộc,*  *- tự chọn; (2) LT - lý thuyết, TH - thực hành, TL - thảo luận, BT - bài tập, ĐA - đồ án.*

Bảng 2.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | M.PHI100 | Triết học | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 2 | M.ENG100 | Tiếng Anh | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 3 | PRE82003 | Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 4 | PRE82004 | Các vấn đề cơ bản của giáo dục mầm non hiện đại | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 5 | PRE82005 | Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 6 | PRE82006 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non | 🞨 | 3 | 30 | 15 |  | 1 |
| 7 |  | Tự chọn 1 |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 8 |  | Tự chọn 2 |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 9 |  | Tự chọn 3 |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 10 |  | Tự chọn 4 |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 11 | PRE83015 | Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em | 🞨 | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 12 | PRE83016 | Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ | 🞨 | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 13 | PRE83017 | Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non | 🞨 | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 14 |  | Tự chọn 5 |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 15 |  | Tự chọn 6 |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 16 | PRE83017 | Luận văn tốt nghiệp | x | 15 |  |  |  | 4 |
| 17 | PRE83027 | Thực tập tốt nghiệp | 🞨 | 6 |  |  | 🞨 | 4 |
| 18 | PRE83027 | Đồ án tốt nghiệp | 🞨 | 9 |  |  | 🞨 | 4 |

* **Tự chọn 1, 2, 3, 4: Chọn 4 trong 8 học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | PRE82007 | Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 2 | PRE82008 | Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 3 | PRE82009 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 4 | PRE82010 | Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 5 | PRE82011 | Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 6 | PRE82012 | Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 7 | PRE82013 | Đổi mới quản lý giáo dục mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |
| 8 | PRE82014 | Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non |  | 3 | 30 | 15 |  | 2 |

* **Tự chọn 5, 6: Chọn 2 trong 4 học phần hướng nghiên cứu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | PRE82018 | Giáo dục hoà nhập cho trẻ em có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 2 | PRE82019 | Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 3 | PRE82020 | Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 4 | PRE82021 | Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |

* **Tự chọn 5, 6: Chọn 2 trong 4 học phần hướng ứng dụng**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Loại học phần(1)** | **Số tín chỉ** | **Số tiết(2)** | | | **Phân kỳ** |
| **LT** | **TL/ BT** | **ĐA** |
| 1 | PRE82022 | Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 2 | PRE82023 | Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 3 | PRE82024 | Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |
| 4 | PRE82025 | Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục |  | 3 | 30 | 15 | 🞨 | 3 |

2.4. Chuẩn đầu ra các học phần

|  |
| --- |
| **1. Triết học** |
| *Triết học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành Khoa học Xã hôi và Nhân văn. Học phần được kết cấu thành 8 chương, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học, bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, về xã hội và con người. Học phần trang bị kiến thức triết học, bồi dưỡng kỹ năng vận dụng được tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học, hình thành được phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học. |
| **2. Ngoại ngữ** |
| Học phần *Tiếng Anh* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, Từ vựng, Ngữ âm) và rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) theo các chủ đề. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa, xã hội và sử dụng tiếng Anh làm công cụ nghiên cứu cũng như cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể. |
| ***3.* Một số lý thuyết hiện đại về tâm lý học trẻ em** |
| Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (GDMN), học phần giúp người học tiếp cận với các khái niệm cơ bản về tâm lý và tâm lý trẻ em theo các quan điểm khác nhau; cung cấp những hiểu biết về đặc điểm tâm lý trẻ mầm non và cơ sở lý học của các phương pháp giáo dục trẻ, góp phần hoàn thiện tay nghề cho học viên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). |
| **4. Một số vấn đề cơ bản của Giáo dục mầm non hiện đại** |
| Chuyên đề *Một số vấn đề cơ bản của Giáo dục mầm non hiện đại* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Chuyên đề này trang bị cho người học những kiến thức khái quát về giáo dục mầm non, về xu hướng đổi mới giáo dục mầm non và người giáo viên mầm non trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục hiện nay; đồng thời giúp người học vận dụng được lý luận khoa học, hiện đại vào thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. |
| ***5.* Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non** |
| *Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em mầm non* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này nhằm trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về lý thuyết tăng trưởng và phát triển của trẻ em độ tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| ***6.* Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục mầm non** |
| *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non* là học phần cơ sở, bắt buộc trong Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non); cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực của người nghiên cứu khoa học giáo dục.  Học viên sẽ được thực hành nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non; nhận thức đúng đắn về nghiên cứu khoa học giáo dục; có kế hoạch và phương pháp học tập, nghiên cứu hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục |
| ***11.* Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em** |
| *Chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần này trang bị cho học viên các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và đảm bảo an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em độ tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực nghiên cứu và chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Bên cạnh đó, học phần còn giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn. |
| ***12. Một số vấn đề hiện đại của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ*** |
| Học phần *“Một số vấn đề hiện đại về việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non”*thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩGiáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những vấn đề mang tính hệ thống, khoa học, hiện đại về lý luận phát triển ngôn ngữ cho trẻ, các xu hướng phát triển ngôn ngữ tiến tiến, hiện đại trong, ngoài nước và thực tiễn vận dụng phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn phát triển ngôn ngữ cho trẻ phù hợp xu thế đổi mới giáo dục mầm non. |
| ***13. Phát triển nhận thức cho trẻ mầm non*** |
| Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu và thạc sĩ định hướng giáo dục chuyên ngành giáo dục học (giáo dục mầm non). Học học phần này, người học sẽ trao đổi, chia sẻ những ván đề về phát triển nhận thức cho trẻ. Qua đó, người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn về vấn đề phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ phù hợp xu thế đổi mới giáo dục mầm non. |
| **Tự chọn 1: *Chọn* 1 trong 2 học phần** |
| **1. Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non** |
| Học phần *Cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Học phần này trình bày những tri thức chuyên sâu và hiện đại về cơ sở ngôn ngữ học của việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non).Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và kỹ năng hợp tác để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập. |
| **2. Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non** |
| *Phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về môi trường giáo dục mầm non, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non; qua đó hình thành định hướng cần thiết cho sự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường giáo dục mầm non. |
| **Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non** |
| Học phần *Giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục qua trải nghiệm trong giáo dục mầm non cụ thể là các vấn đề như: bản chất của giáo dục qua trải nghiệm cho trẻ mầm non; phân loại; cách thức; quy trình và các hình thức tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thực tiễn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.  Học phần này là cơ sở cho các học phần Đồ án Thực tập và Luận văn tốt nghiệp. |
| **2. Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non** |
| *Phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non).  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức về một số phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục mầm non ở Việt Nam nói riêng và phù hợp với xu thế giáo dục mầm non trên thế giới nói chung trong giai đoạn hiện nay, từ đó biết cách vận dụng các phương pháp dạy học này vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Từ đó, học viên có kỹ năng thực hiện các phương pháp dạy học tích cực vào hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non, có ý thức tự học và tự nghiên cứu nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp. |
| **Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non** |
| *Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng cho học viên dùng công cụ hỗ trợ là các phần mềm vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục nhằm phát triển cho trẻ về các lĩnh vực ngôn ngữ, thể chất, tình cảm - kỹ năng xã hội, thẩm mỹ và nhận thức. Bên cạnh đó, học viên còn được phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm và trình bày ý tưởng qua các phần mềm dạy học. |
| **2. Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non** |
| Học phần *Xây dựng môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.  Học phần trang bị cho người học những kiến thức khái quát về môi trường giáo dục cho trẻ trong trường MN nói chung, môi trường tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non nói riêng; đồng thời giúp người học vận dụng được lý luận khoa học, hiện đại vào thực tiễn xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong môi trường đó phù hợp bối cảnh đổi mới chương trình GDMN.  Thông qua chuyên đề này, học viên sẽ vận dụng được kiến thức đã học vào trong môi trường thực tiễn một cách độc lập, sáng tạo; |
| **Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non** |
| Học phần *Phối hợp* *nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng.  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về công tác phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. Cụ thể là các vấn đề như: Mục đích ý nghĩa của công tác phối hợp; vai trò trách nhiệm của các lực lượng phối hợp; nội dung, phương pháp, hình thức phối hợp đồng thời phát triển cho học viên các kỹ năng như lập kế hoạch, đánh giá hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thực tiễn nghề nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non. |
| **2. Đổi mới quản lý giáo dục mầm non** |
| Học phần *Đổi mới quản lí giáo dục mầm non* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Học phần này nhằm trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lý thuyết quản lí giáo dục (bản chất, chức năng, nguyên tắc, phương pháp, mục tiêu, đặc điểm của quản lí giáo dục), quản lí giáo dục mầm non (mục tiêu, hệ thống quản lí trong giáo dục mầm non, phân cấp quản lí nhà nước); Quản lí trường mầm non (giáo dục mầm non trong thống giáo dục quốc dân, các chủ thể quản lí, kiểm định chất lượng giáo dục); Đổi mới quản lí giáo dục mầm non (xu thế phát triển giáo dục mầm non, cơ sở khoa học và các vấn đề đổi mới quản lí giáo dục mầm non ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay). Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non). Bên cạnh đó, thông qua mô hình dạy học kết hợp (Blended Learing), học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ học tập và thực tiễn công tác. |
| **Tự chọn 5: Định hướng nghiên cứu: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Giáo dục hoà nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non** |
| *Giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non* là học phần dạy học dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng Nghiên cứu, cung cấp cho người học những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về trẻ có nhu cầu đặc biệt, về đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non và cơ sở tâm lý học của giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt. Đồng thời, học phần giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục hòa nhập ở trường mầm non. |
| **2. Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non** |
| Học phần *Đổi mới đánh giá trong giáo dục mầm non* là học phần dạy học dự án thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan những vấn đề lí luận cơ bản, hiện đại về đánh giá trong giáo dục mầm non, nhận định được bối cảnh khoa học và xu hướng đổi mới trong đánh giá, từ đó đề xuất được vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, người học thiết kế, triển khai và đánh giá được các kết quả nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực đánh giá; đưa ra được các giải pháp cải tiến một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới trong GDMN. |
| **Tự chọn 6: Định hướng nghiên cứu: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học** |
| Học phần *Phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng nghiên cứu.  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề cho trẻ qua hoạt động khám phá khoa học ở trường mầm non và qua đó giúp học viên phát triển các kỹ năng: lên ý tưởng, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua tổ chức cho trẻ khám phá khoa học. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thái độ khoa học tích cực để trong nghiên cứu lĩnh vực giáo dục mầm non. |
| **2*.* Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em** |
| Học phần *Sử dụng tác phẩm văn học giáo dục trẻ em* là học phần tự chọn trong khung chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu giáo dục chuyên ngành giáo dục học (giáo dục mầm non). Học phần này trang bị cho người học những vấn đề mang tính hệ thống, khoa học, hiện đại về lý luận Sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em và thực tiễn vận dụng phương pháp, hình thức sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em phù hợp yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn sử dụng tác phẩm văn học trong giáo dục trẻ em. |
| **Tự chọn 5: Định hướng ứng dụng: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa** |
| Học phần *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hóa* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng ứng dụng.  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non theo tiếp cận đa văn hoá và qua đó giúp học viên phát triển các năng lực: hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức, đánh giá, và phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học có tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ phù hợp để thực hiện thành công các hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non trong xu thế đổi mới. |
| **2. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục** |
| Học phần *“Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”*thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩGiáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non; các quy định hiện hành liên quan đến việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, người học được phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và thực tiễn xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện trong các cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng yêu đổi mới giáo dục. |
| **Tự chọn 6: Định hướng ứng dụng: Chọn 1 trong 2 học phần** |
| **1. Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục** |
| Học phần *“Phát triển chương trình giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục”*thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩGiáo dục học (Giáo dục Mầm non) theo định hướng ứng dụng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về lý luận và thực tiễn phát triển chương trình giáo dục mầm non tại Việt Nam và một số nước trên thế giới; trên cơ sở đó giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển chương trình giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non trong xu thế đổi mới. Bên cạnh đó, học phần còn giúp học viên phát triển tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục mầm non. |
| **2. Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non** |
| Học phần *Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non* là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sỹ ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) theo định hướng ứng dụng.  Học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về việc phát triển tính tích cực vận động cho trẻ em, vận dụng được những kiến thức đó vào công tác quản lý, tổ chức quá trình phát triển tính tích cực vận động cho trẻ ở trường mầm non nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ. Qua đó giúp học viên phát triển các năng lực: hình thành ý tưởng, thiết kế, tổ chức, đánh giá, và phối hợp các lực lượng giáo dục để tổ chức hiệu quả hoạt động này. Ngoài ra, học phần này còn giúp người học thể hiện tư duy hệ thống, tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ phù hợp để thực hiện thành công các hoạt động phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non theo xu thế đổi mới. |

2.5 .Phương pháp giảng dạy và dạy học

Phương pháp giảng dạy và học tập yếu tố cốt lõi để định hướng người học đạt được các CĐR học phần, từ đó đạt được các CĐR của CTĐT. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập được mô tả trong Bảng 3.4. Các học phần đại cương và học phần cơ sở ngành sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập từ 1 đến 4, các học phần chuyên ngành sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập còn lại.

Bảng 2.4. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giảng dạy và học tập** | **CĐR** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Thuyết trình | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Vấn đáp | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Hướng dẫn | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Tự học | x | x | x | x | x |  |  | x | x |
| Thảo luận | x | x | x |  |  |  |  |  |  |
| Thực hành |  | x | x |  | x | x | x | x | x |
| Hoạt động nhóm |  | x | x | x |  | x | x |  |  |
| Nghiên cứu tình huống |  | x | x |  | x |  |  | x | x |
| Học dựa trên dự án |  | x | x | x | x | x | x | x | x |

2.6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập là hoạt động để xác định mức độ người học đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm người học đạt được CĐR của CTĐT. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) đánh giá kết quả học tập của học viên dựa trên Hướng dẫn Số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ khóa 24.

Điểm học phần được đánh giá bao gồm bao gồm điểm quá trình học tập và điểm thi kết thúc học phần với trọng số tương ứng là 50% và 50%. Điểm quá trình học tập bao gồm điểm chuyên cần (20%), điểm thảo luận (20%) và điểm bài tập (60%), trong đó:

- Điểm chuyên cần được tính tự động theo tỉ lệ nội dung bài giảng elearning đã được học viên học trên hệ thống quản lý học tập và điểm chuyên cần của học viên tham gia tại lớp học.

- Điểm thảo luận do giảng viên đánh giá chất lượng thảo luận của học viên khi tham gia các chủ đề thảo luận trên hệ thống quản lý học tập.

- Điểm bài tập được tính theo điểm trung bình chung của các bài tập giao cho học viên.

Điểm thành phần và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm chuyên cần lớn hơn 0 và điểm học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm chuyên cần hoặc điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần hoặc có thể chuyển sang học phần khác tương đương.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non) sử dụng các hình thức đánh giá phù hợp với CĐR của CTĐT được mô tả như Bảng 3.5, trong đó các hình thức đánh giá từ 1 đến 4 được thiết kế để đánh giá quá trình học tập và các hình thức đánh giá từ 5 đến 8 được dùng để đánh giá thi kết thúc học phần. Các tiêu chí đánh giá được mô tả ở Phụ lục A.

Bảng 2.5. Các hình thức đánh giá trong CTĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các hình thức đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| 1. Ý thức và thái độ học tập | Rubrics | x | x | x |  | x |  | x |  |  |
| 2. Hồ sơ học phần | Rubrics |  |  | x | x |  |  |  | x | x |
| 3. Kiểm tra bài tập | Đáp án | x | x |  | x |  |  |  |  |  |
| 4. Hoạt động nhóm | Rubrics |  |  |  |  | x |  | x | x | x |
| 5. Thi tự luận | Đáp án | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 6. Viết báo cáo | Rubrics |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| 7. Thuyết trình báo cáo | Rubrics |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| 8. Đồ án | Rubrics |  |  | x | x |  |  |  | x | x |